

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của dịch Covid – 19 đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi và các kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp (Tính đến ngày 30/4/2020)

Thực hiện Công điện số 01/CĐ-BKHĐT ngày 03/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về biện pháp bảo đảm sức khỏe Nhân dân, an sinh xã hội và nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, giữ gìn an ninh trật tự và ổn định xã hội trong bối cảnh tác động của dịch Covid – 19, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

1. Về ảnh hưởng của dịch Covid-19 đối với phát triển kinh tế - xã hội

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt một số kết quả khả quan như: Giá trị sản xuất công nghiệp¹ lũy kế 4 tháng đầu năm ước đạt 40.433,4 tỷ đồng, tăng 2,37% so với cùng kỳ năm trước và đạt 28,8% kế hoạch năm; nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì GTSX tăng 17,8%; diện tích rừng trồng tập trung ước đạt 6.263 ha, tăng 0,2%; sản lượng thủy sản đạt 89.680,4 tấn, tăng 3,5%; kim ngạch xuất khẩu ước đạt 389,69 triệu USD², tăng 55,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 39% kế hoạch năm. Dịch bệnh ở gia súc, gia cầm được giám sát, phòng trị kịp thời; bệnh dịch tả lợn Châu Phi được kiểm soát tốt. Tình hình thị trường, cung cầu lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh ổn định, lượng hàng hóa đảm bảo cung ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân. Bên cạnh đó, các chế độ, chính sách về an sinh xã hội luôn được các ngành, các cấp chú trọng thực hiện; tập trung triển khai gói hỗ trợ của Chính phủ cho các đối tượng gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19; công tác phòng, chống dịch Covid-19 được thực hiện quyết liệt, đến nay chưa phát hiện ca bệnh trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hiện đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nặng nề dưới tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, cụ thể:

- Sản xuất công nghiệp mặc dù giá trị sản xuất công nghiệp tính chung 4 tháng đầu năm vẫn duy trì mức tăng trưởng so cùng kỳ năm trước, tuy nhiên, hoạt động sản xuất một số ngành trong tháng 4 bị hạn chế do thực hiện

¹ GTSX công nghiệp ngoài dầu tăng so với cùng kỳ năm trước là do tháng 01 và 02 năm 2019 chưa có sản phẩm thép Hòa Phát Dung Quất và một số ngành công nghiệp ngoài dầu vẫn duy trì được nhịp độ sản xuất.

² Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn trong nước đạt 260,21 triệu USD, tăng 74%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 129,48 triệu USD, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước.

biện pháp cách ly toàn xã hội để phòng, chống dịch Covid-19. Do vậy, GTSX công nghiệp trong tháng 4/2020 ước đạt 9.876,6 tỷ đồng³, giảm 6,07% so với tháng trước và giảm 0,68% so với tháng 4/2019.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 4 tháng đầu năm 2020 giảm 4,86% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, ngoại trừ ngành sản xuất các cấu kiện kim loại là chỉ số tiêu thụ tăng (43,58%), còn lại các ngành sản xuất công nghiệp khác đều giảm.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/4/2020 tăng 24,58% so với cùng thời điểm năm trước; trong đó, sản xuất chế biến thực phẩm có chỉ số tồn kho tăng 22,29%; dệt tăng 223,96%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 120,32%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 13,27%;...

- Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông sản: Hiện nay, tiến độ sản xuất các loại cây trồng đảm bảo theo đúng lịch thời vụ và cơ cấu giống, một số loại cây trồng đang tiếp tục thu hoạch và cho năng suất cao. Tuy nhiên, sản phẩm ớt và dưa hấu do không có thị trường xuất khẩu, ứ đọng nhiều, giá bán thấp gây nhiều khó khăn cho người dân.

Chăn nuôi: Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu cung ứng trên địa bàn tỉnh và trong nước; không có xuất khẩu. Các trại nuôi gia công cho các doanh nghiệp kinh doanh ngành chăn nuôi được các doanh nghiệp trực tiếp thu mua bao tiêu sản phẩm theo giá cố định nên không ảnh hưởng về giá cả. Mặc dù bệnh dịch tả lợn Châu Phi được kiểm soát tốt, tuy nhiên, người chăn nuôi chưa thể tái đàn ồ ạt, tránh trường hợp tái phát dịch trở lại.

Lâm nghiệp: Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 375.740 m³, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho thị trường xuất khẩu gỗ gặp khó khăn, giá gỗ keo giảm nên người dân hạn chế khai thác.

Sản lượng thủy sản: Thời gian vừa qua, nhiều đơn hàng bị hoãn giao hàng hoặc hủy nên hàng thủy sản bị ứ đọng, tồn kho, nhiều doanh nghiệp đã tạm ngưng thu mua hoặc thu mua số lượng ít, điều này khiến cho giá thủy sản sụt giảm. Trước tình hình nhu cầu tiêu thụ cộng với giá thu mua ở mức thấp, nhiều ngư dân lo ngại việc tiếp tục vươn khơi sẽ thua lỗ nên đã cho tàu nằm bờ, kéo theo nhiều lao động thất nghiệp, không có thu nhập. Đối với nuôi trồng thủy sản nước lợ, đa số các hộ nuôi trồng đều thả nuôi hạn chế hoặc chờ qua hết dịch rồi mới tiếp tục thả nuôi.

- Thương mại và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 16.955,8 tỷ đồng, giảm 6,48% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 28,3% kế hoạch. Các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận tải, du lịch lữ hành và dịch vụ vui chơi, giải

³ Theo giá CD 2010.

trí trên địa bàn tỉnh chịu tác động mạnh của dịch; đặc biệt các doanh nghiệp lữ hành hầu như không phát sinh doanh thu.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2020 giảm 2,03% so với tháng trước, đây là mức giảm mạnh trong những năm gần đây⁴; giảm 1,45% so với tháng 12 năm trước; tăng 2,51% so với cùng tháng năm trước; bình quân 4 tháng đầu năm 2020, CPI tăng 4,78% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành giao thông là nhóm có chỉ số giá giảm mạnh nhất do tác động kép của dịch Covid-19 và điều chỉnh giảm giá xăng, dầu (giảm 14,7%).

Tình hình thị trường, cung cầu lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh ổn định, lượng hàng hóa đảm bảo cung ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên sức mua trên thị trường giảm mạnh.

Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt): Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ ước đạt 1.195,7 tỷ đồng⁵, giảm 14,13% so với cùng kỳ năm 2019⁶.

Tín dụng ngân hàng: Ước tính đến cuối tháng 4/2020, huy động vốn khoảng 54.740 tỷ đồng, tăng 2,22% so với cuối năm 2019; tổng dư nợ cho vay ước đạt 50.100 tỷ đồng, tăng 0,33%; nợ xấu chiếm 2,2%/tổng dư nợ. Các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tập trung triển khai thực hiện các biện pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn như cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất cho vay, không thực hiện phạt lãi suất khi quá hạn cho từng khách hàng cụ thể theo quy định hiện hành.

- *Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công*: Tổng vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý năm 2020 là 5.876,178 tỷ đồng⁷. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành việc phân khai kế hoạch chi tiết cho các đơn vị để triển khai thực hiện là 5.319,810 tỷ đồng; cụ thể: Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 3.821,45 tỷ đồng⁸; nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.498,36 tỷ đồng⁹. Ước đến ngày 30/4/2020, tổng giá trị giải ngân là 699,2 tỷ đồng, đạt 13,1% kế hoạch đã phân khai chi tiết, trong đó: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân 408,1 tỷ đồng, đạt 10,7% kế hoạch; nguồn vốn ngân sách Trung ương giải ngân 291,1 tỷ đồng, đạt 19,4% kế hoạch.

⁴ Trong mức giảm 2,03% của chỉ số giá tiêu dùng tháng 4/2020 so với tháng trước có 10/11 nhóm hàng hoá và dịch vụ có chỉ số giá giảm, trừ nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,26%. giao thông giảm 14,71%, đây là nhóm có chỉ số giá giảm mạnh nhất do tác động của điều chỉnh giảm giá xăng, dầu; bưu chính viễn thông giảm 0,08%; giáo dục giảm 0,01%; văn hoá, giải trí và du lịch giảm 1,25%; hàng hoá và dịch vụ khác giảm 0,98%.

⁵ Trong đó, vận tải hành khách ước đạt 318,5 tỷ đồng, giảm 18,99%; vận tải hàng hóa ước đạt 659,2 tỷ đồng, giảm 5,65%; dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 218,0 tỷ đồng, giảm 27,49%.

⁶ Hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020 đều giảm so với cùng kỳ năm trước là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhu cầu đi lại của người dân vẫn giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa giảm, dẫn đến vận tải hàng hóa và hoạt động dịch vụ vận tải giảm theo. Ngoài ra, nhu cầu xây dựng cũng chững lại làm cho doanh thu vận tải hàng hóa giảm.

⁷ Bao gồm: (1) Vốn cân đối NSDP là 4.037,45 tỷ đồng; (2) Vốn NSTW là 1.838,728 tỷ đồng.

⁸ Bao gồm: (1) 1.716,45 tỷ đồng từ nguồn vốn trong cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức; (2) 2.000 tỷ đồng từ nguồn thu sử dụng đất và (3) 105 tỷ đồng vốn xổ số kiến thiết.

⁹ Bao gồm: (1) Vốn CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới là 434,72 tỷ đồng; (2) Vốn CTMTQG Giảm nghèo bền vững là 344,532 tỷ đồng; (3) Vốn CTMT là 337,061 tỷ đồng; (4) Nguồn vốn ODA là 382,047 tỷ đồng.

- Thu ngân sách: Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 5.618 tỷ đồng, bằng 157,5% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 30,3% dự toán năm. Trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh, dự kiến trong năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi sẽ huy động thu NSNN khoảng 5.500 tỷ đồng¹⁰ (dự kiến giá dầu thô thế giới bình quân cả năm ở mức 40 USD/thùng) so với dự toán giao đầu năm.

- Doanh nghiệp: Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới từ đầu năm đến nay là 215 doanh nghiệp, giảm 19,5% so với cùng kỳ năm 2019; tổng vốn đăng ký 835,06 tỷ đồng, giảm 55,06%; có 78 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 17,89%; 189 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 21,15%; 33 doanh nghiệp đã giải thể, giảm 8,33% so với cùng kỳ.

- Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Từ đầu năm đến ngày 30/4/2020, có 01 dự án FDI được cấp giấy chứng nhận đầu tư¹¹ với tổng vốn đăng ký 20 triệu USD, giảm 01 dự án so với cùng kỳ năm 2019.

- Lao động, việc làm: Số lượng lớn người lao động, chuyên gia nước ngoài không thể trở lại làm việc tại các doanh nghiệp, dự án, vì vậy, hoạt động của các nhà máy sản xuất bị trì trệ, việc thi công các dự án bị gián đoạn, chậm tiến độ đề ra, gây thiệt hại cho các doanh nghiệp¹². Tính đến hết tháng 4/2020, một số doanh nghiệp đã tạm thời cho nghỉ việc đối với khoảng 4.458 lao động và hơn 2.125 lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Tình hình hoạt động của một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Hiện nay, dưới tác động của dịch Covid-19, đa số các doanh nghiệp trong tỉnh phải thực hiện cắt giảm quy mô sản xuất kinh doanh, sản xuất cầm chừng để giữ lao động, tiêu thụ hàng hóa chậm, hàng tồn đọng nhiều không xuất khẩu được, lượng tiêu thụ trong nước hạn chế, chi phí sản xuất cao. Bên cạnh đó, các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận tải, du lịch lữ hành và dịch vụ vui chơi, giải trí giảm mạnh, cụ thể:

a) Các ngành sản xuất kinh doanh

- Sản phẩm lọc hóa dầu: do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh từ 30-40% so với cùng kỳ các năm trước dẫn đến mất cân bằng cung - cầu nên NMLD Dung Quất (BSR) sản xuất chỉ đủ lượng tiêu thụ, hạn chế dự trữ trong kho. Tuy nhiên, bên cạnh lượng tiêu thụ giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch, hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR còn bị ảnh hưởng nghiêm trọng do giá dầu thô liên tục sụt giảm sâu làm cho lượng hàng tồn kho của BSR nhiều (có thời điểm trên mức 90%) và có nguy cơ dừng nhà máy do không còn chỗ chứa hàng.

- Các doanh nghiệp ngành dệt may, điện tử: Các doanh nghiệp ngành dệt

¹⁰ Nếu giá dầu thô bình quân cả năm ở mức 30USD/thùng, so với dự toán HĐND tỉnh giao thì NMLD Dung Quất huy động thu 4.270 tỷ đồng, tổng huy động thu 6.480 tỷ đồng.

¹¹ Dự án Nhà máy công nghiệp Asia Foam của Công ty TNHH Far East Foam Việt Nam.

¹² Trong đó, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất bị ảnh hưởng nhiều nhất; việc lắp đặt, máy móc thiết bị và vận hành, chạy thử dây chuyền sản xuất 2 triệu tấn của Hòa Phát không thể thực hiện, làm chậm tiến độ của dự án khoảng từ 4-5 tháng.

may, điện tử chủ yếu nhập khẩu nguồn nguyên phụ liệu từ Trung Quốc. Hiện nay các doanh nghiệp tại Trung Quốc đã hoạt động trở lại, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch nên các doanh nghiệp cắt giảm hoặc dừng sản xuất do thiếu nguồn nguyên liệu cho sản xuất nên lượng sản xuất sản phẩm giảm.

- Công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống: do tình hình dịch nên lượng tiêu thụ giảm, chủ yếu tiêu thụ ở thị trường trong nước, chi phí để duy trì bảo quản kho thành phẩm cao nên các doanh nghiệp phải cắt giảm sản lượng sản xuất.

- Công nghiệp chế biến gỗ, giấy: Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc nên doanh nghiệp gặp khó khăn trong xuất khẩu sản phẩm, do đó hạn chế sản xuất do kho bãi hàng hóa quá tải.

- Các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại: luyện kim, thiết bị công nghiệp nặng có thị trường xuất khẩu chủ yếu là Châu Âu và Mỹ gặp khó khăn về tiêu thụ sản phẩm.

- Ngành sản xuất bia các loại giảm là do tác động của Nghị định 100/2019/NĐ-CP và dịch Covid-19; trong đó, Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi dự kiến sản lượng sản xuất và tiêu thụ bia năm 2020 giảm 40% so với năm 2019 dẫn đến nguồn tài chính của công ty bị sụt giảm 50% và giảm số tiền nộp ngân sách khoảng 39%-40%.

- Lĩnh vực xây dựng, xây lắp bị ảnh hưởng nặng nề do phải tuân thủ các biện pháp để ngăn chặn dịch bệnh; việc huy động nhân công, xe máy, thiết bị để tổ chức thi công gặp khó khăn; việc mua sắm, vận chuyển, cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị thi công, nhất là các loại vật tư, thiết bị nhập ngoại bị đình trệ; công tác tổ chức công khai, vận động trong quá trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng không thể thực hiện trong thời gian áp dụng các biện pháp giãn khoảng cách, cách ly xã hội trong phòng, chống dịch làm chậm tiến độ đề ra. Các công trình nhận thầu thi công ngoài tỉnh phải tạm dừng thi công do người lao động không thể di chuyển ra ngoài tỉnh bằng phương tiện vận chuyển công cộng để đến công trình.

b) Các ngành dịch vụ

- Ngành dịch vụ vận tải: Hoạt động kinh doanh vận tải bị giảm sút nghiêm trọng, sản lượng vận tải giảm trung bình hơn 20% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

+ Về đường bộ: sản lượng, doanh thu hoạt động vận tải tuyến cố định, hợp đồng, xe taxi bị giảm sút từ 80%-90% so với năm trước, lưu lượng hành khách tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giảm trung bình từ 5.000 lượt/ngày còn hơn 1.000 lượt/ngày, riêng tháng 4 đã tạm dừng hoạt động.

+ Về đường thủy: Sản lượng hành khách đi lại trên tuyến Sa Kỳ đi Lý Sơn giảm hơn 80%, trung bình từ 500 lượt hành khách/ngày còn hơn 100 lượt

hành khách/ngày, từ 8 chuyến/ngày còn 01 chuyến/ngày, doanh thu hoạt động khai thác cảng Sa Kỳ giảm hơn 60%, riêng tháng 4 đã tạm dừng hoạt động.

- Ngành dịch vụ du lịch: Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong tháng 4/2020, doanh thu du lịch ước đạt 05 tỷ đồng, giảm 91% so với tháng 3 và giảm 99% so với cùng kỳ năm trước. Tổng lượt khách ước đạt 300 lượt, giảm 93% so với tháng 3 và giảm 98% so với cùng kỳ năm trước.

- Về dịch vụ Cảng: Do tình hình dịch bệnh, một số đơn hàng xuất nhập khẩu sang Trung Quốc có giảm nhưng không đáng kể, giảm khoảng dưới 10% so kế hoạch.

3. Một số đề xuất, kiến nghị giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

a) Về cơ chế, chính sách, giải pháp chung

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành liên quan có văn bản hướng dẫn thủ tục nhập cảnh cho các chuyên gia, lao động nước ngoài làm việc cho các dự án, công trình, doanh nghiệp lớn, trọng điểm, cấp thiết, trong đó có dự án thép Hòa Phát và Nhà máy Lọc dầu Dung Quất tại Khu Kinh tế Dung Quất.

- Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát, đề xuất Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền về chính sách giảm một số khoản phí, lệ phí nhằm giảm chi phí đầu vào của sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, chi phí liên quan đến người lao động; cắt giảm chi phí logistics.

- Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính xem xét miễn thu phí neo đậu đối với thời gian bắt buộc tàu thuyền đến neo đậu chờ kiểm dịch tại khu vực kiểm dịch trước khi vào cảng; thời gian tàu neo đậu cách ly để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch.

- Đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục quan tâm, hỗ trợ kết nối tiêu thụ mặt hàng nông sản xuất khẩu với thị trường Trung Quốc và tìm kiếm, giới thiệu các thị trường khác ngoài thị trường Trung Quốc để tiêu thụ các mặt hàng này, giảm bớt sự bấp bênh do phụ thuộc vào một thị trường; chủ động, can thiệp vào hệ thống các chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp Logistics, các hiệp hội, tập đoàn bán lẻ... hỗ trợ thu mua, bảo quản, tiêu thụ nông sản nói chung; đồng thời chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan hướng dẫn, định hướng, vận động tiêu dùng nội địa nhằm hỗ trợ cho bà con nông dân tiêu thụ sản phẩm.

b) Kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với doanh nghiệp

- Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam (Doosan Vina): Hiện tại Doosan Vina có nhập khẩu một số lô hàng tại Trung Quốc. Chủ hàng phía Trung Quốc chưa cung cấp được cho Công ty giấy chứng nhận xuất xứ Form E bản gốc (viết tắt là C/O). Nếu có C/O này thì Công ty được miễn thuế nhập khẩu. Mặc dù hiện nay hàng hóa đã được thông quan, theo quy định thì sau 30 ngày công ty phải nộp giấy C/O bản gốc đó cho Cục Hải quan tỉnh

Quảng Ngãi đề được miễn thuế nhập khẩu nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chủ hàng bên Trung Quốc chưa cung cấp được.

Theo kiến nghị của Doosan Vina, vừa qua Công ty đã có văn bản đề nghị với Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi tạo điều kiện để Công ty được miễn thuế nhập khẩu với lô hàng này, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi đã có văn bản đề nghị Cục Giám sát quản lý về Hải quan (Tổng Cục Hải quan) xem xét, hướng dẫn thực hiện. Tuy nhiên Cục Giám sát quản lý về Hải quan chưa có văn bản trả lời. Do vậy, đề nghị Tổng Cục Hải quan chỉ đạo Cục Giám sát quản lý về Hải quan sớm xem xét giải quyết, tạo điều kiện để Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với các lô hàng này.

- Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR):

+ Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan tạm ngưng nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu trong giai đoạn chưa kiểm soát được dịch bệnh Covid-19 để hỗ trợ và ổn định thị trường cho các NMLD trong nước để việc cung ứng sản phẩm xăng dầu trong nước giảm về mức an toàn.

+ Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước, các cấp thẩm quyền sớm giải tỏa khoản tiền gửi có giá trị 2.736 tỷ đồng của BSR tại Ngân hàng Oceanbank để BSR thanh toán dầu thô, trả nợ vay và các chi phí khác trong bối cảnh công tác tiêu thụ sản phẩm của BSR đang gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng đến dòng tiền. Trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước và Oceanbank chưa thể có dòng tiền trả lại cho BSR, BSR kiến nghị Thủ tướng chấp thuận cho phép BSR nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước từ khoản tiền gửi này tại Oceanbank.

+ Kiến nghị Bộ Tài chính và Bộ Công Thương xem xét loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ tài nguyên dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (bao gồm cả xuất khẩu trực tiếp từ BSR hoặc thông qua các đầu mối).

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của dịch Covid - 19 đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, TH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

Phụ lục

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Báo cáo số 75 /BC-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện Quý I năm 2019 | Thực hiện 4 tháng năm 2019 | Thực hiện Quý I năm 2020 | Thực hiện 4 tháng năm 2020 | Kế hoạch 2020 |
|------------|--|---|--------------------------|----------------------------|--|--|---------------|
| I | Chỉ tiêu về phát triển kinh tế | | | | | | |
| 1 | Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) | | | | | | |
| a) | Tăng trưởng GRDP | % | | | 0,47 | | 7,96 |
| | - Nông lâm nghiệp và thủy sản | % | | | 5,21 | | 3,8 |
| | - Công nghiệp và xây dựng | % | | | -2,80 | | 9,2 |
| | - Dịch vụ | % | | | 4,45 | | 8,0 |
| b) | GRDP so sánh | Tỷ đồng | 11,760 | | 11,815 | | 59,486 |
| 2 | Thu ngân sách | Tỷ đồng | 4,886 | 5,103 | 5,170 | 5,618 | 18,560 |
| 3 | Xuất nhập khẩu | | | | | | |
| | - Giá trị xuất khẩu hàng hóa | Triệu USD | 186 | 186 | 279 | 390 | 1,000 |
| | Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa | % | | 90,8 | | 155,8 | |
| | - Giá trị nhập khẩu hàng hóa | Triệu USD | 136 | 240 | 602 | 728 | 1,240 |
| | Trong đó: Nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào | | 136 | 240 | 602 | 728 | 1,240 |
| 4 | Tổng mức bán lẻ hàng hóa | Tỷ đồng | 13,537 | 18,130 | 16,153 | 16,956 | 59,919 |
| II | Tình hình sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp | | | | | | |
| 1 | Số lượng doanh nghiệp giải thể | DN | 32 | 36 | 33 | 33 | |
| 2 | Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động | DN | 147 | 149 | 178 | 189 | |
| 3 | Số doanh nghiệp bị thiệt hại | Doanh nghiệp | | | 5,230 | 5,230 | |
| | - Từ 70% doanh thu trở lên | | | | 192 | 192 | |
| | - Từ 30-70% doanh thu | | | | 226 | 258 | |
| | - Dưới 30% doanh thu | | | | 4,812 | 4,780 | |
| 4 | Doanh thu bị thiệt hại | Tỷ đồng | | | 100 | 150 | |
| III | Đời sống người dân | | | | | | |
| 1 | Tình hình cung ứng lương thực, thực phẩm, thuốc và dịch vụ y tế... | Mô tả ngắn gọn | | | Nhóm mặt hàng cung ứng, bình ổn thị trường: Gạo, mì tôm, thực phẩm đóng gói sẵn; thịt gia súc, gia cầm; rau, củ, quả; các mặt hàng khẩu trang kháng khuẩn, dung dịch nước sát khuẩn. Ngoài các mặt hàng trên, doanh nghiệp được kinh doanh các loại hàng hóa đảm bảo các điều kiện được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam. | Tình hình thị trường, cung cầu lưu thông hàng hóa đến ngày 28/4/2020 trên địa bàn tỉnh ổn định, lượng hàng hóa phong phú, đa dạng đảm bảo cung ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân. | |
| 2 | Chỉ số giá tiêu dùng của lương thực, thực phẩm, thuốc và thiết bị y tế | % | | | | | |
| IV | Lao động, việc làm | | | | | | |
| 1 | Số doanh nghiệp, cơ sở SXKD trên địa bàn bị ảnh hưởng của dịch bệnh đến lao động, việc làm | Số DN, cơ sở SXKD | | | 67 | | |
| 2 | Hỗ trợ của doanh nghiệp đối với lao động bị ảnh hưởng | Liệt kê và mô tả hỗ trợ, ghi rõ hình thức, mức hỗ trợ | | | | | |
| 3 | Số lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động | người | | | 2,125 | 2,125 | |

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện Quý I năm 2019 | Thực hiện 4 tháng năm 2019 | Thực hiện Quý I năm 2020 | Thực hiện 4 tháng năm 2020 | Kế hoạch 2020 |
|-----------|--|-----------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|---------------|
| 4 | Số lao động bị ngừng việc | người | | | 4,458 | | |
| 5 | Số lao động thất nghiệp đến nộp hồ sơ thất nghiệp | người | 1,110 | 1,545 | 1,176 | 1,107 | 9,500 |
| 6 | Số lao động có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp | người | 821 | 1,316 | 759 | 667 | 9,140 |
| 7 | Số lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp | người | | | 2,125 | | |
| V | Các đối tượng xã hội bị ảnh hưởng | | | | | | |
| 1 | Số hộ nghèo: | hộ | 33,381 | 33,381 | 27,964 | 27,964 | 27,964 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | + Số hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội; | hộ | 10,344 | 10,344 | 8,378 | 8,378 | 8,378 |
| | + Số hộ nghèo là hộ người có công với cách mạng | hộ | 910 | 910 | 406 | 406 | 406 |
| 2 | Số đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng | người | 72,200 | 79,397 | 81,771 | 85,417 | 85,417 |
| 3 | Số đối tượng cần trợ giúp xã hội đột xuất (nếu có, chia theo nguyên nhân: mất mùa, bệnh dịch, thiên tai) | người | 58,174 | 58,174 | 13,620 | 13,620 | |
| 4 | Ưu đãi người có công: - Số người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng | người | 46,371 | 46,202 | 43,991 | 43,881 | 43,000 |
| VI | Các chính sách hỗ trợ của địa phương (nếu có) như: hỗ trợ người thất nghiệp, hỗ trợ người cách ly, hỗ trợ tuyển đầu | Báo cáo cụ thể | | | | | |